Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

Kiểm toán. Tư vấn Thuế. Tư vấn Tài chính. Tư vấn Giải pháp.

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 19

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex đã được đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Ngọc Châu	Chủ tịch	
Ông Bùi Tuấn Trung	Ủy viên	(miễn nhiệm từ ngày 28 tháng 4 năm 2010)
Ông Hà Huy Thắng	Ủy viên	
Ông Mai Viết Sinh	Ủy viên	
Ông Phạm Văn Nam	Ủy viên	
Ông Huỳnh Đức Thông	Ủy viên	(bổ nhiệm từ ngày 28 tháng 4 năm 2010)

Ban Giám đốc

Ông Hà Huy Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Viết Bính	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Cung	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Hà Huy Thắng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2010

Deloitte.

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Số 8-Phạm Ngọc Thạch,Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +84-4 3852 4123
Fax: +84-4 3852 4143
www.deloitte.com/vn

Số: 117 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kính gửi: **Các cổ đông của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (gọi tắt là "Công ty"). Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - "Công tác soát xét báo cáo tài chính". Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DELOITTE VIỆT NAM

Khức Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 14 tháng 8 năm 2010
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Huy Công
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số 0891/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU SỐ B 01a-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	**100**		**405.955.125.587**	**303.962.733.996**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**2.983.716.586**	**29.271.767.892**
1. Tiền	111	4	2.983.716.586	29.271.767.892
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**5**	**16.298.215.100**	**24.528.463.000**
1. Đầu tư ngắn hạn	121		18.308.658.493	27.502.857.782
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2.010.443.393)	(2.974.394.782)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**263.752.754.534**	**128.823.456.872**
1. Phải thu khách hàng	131		176.450.704.047	108.534.467.418
2. Trả trước cho người bán	132		22.976.610.881	12.635.130.144
3. Các khoản phải thu khác	135	6	64.325.439.606	7.653.859.310
IV. Hàng tồn kho	**140**	**7**	**108.585.004.512**	**103.488.213.418**
1. Hàng tồn kho	141		108.585.004.512	103.754.040.278
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(265.826.860)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**14.335.434.855**	**17.850.832.814**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	184.805.457
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.035.413.524	8.897.315.037
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		5.962.505	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.294.058.826	8.768.712.320
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	**200**		**138.169.533.586**	**183.186.065.195**
I. Tài sản cố định	**220**		**11.922.161.638**	**106.947.795.150**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	10.380.979.701	99.814.711.955
- Nguyên giá	*222*		*16.994.341.185*	*105.634.778.584*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(6.613.361.484)*	*(5.820.066.629)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	1.246.783.668	5.134.724.847
- Nguyên giá	*228*		*1.335.184.640*	*5.213.103.840*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(88.400.972)*	*(78.378.993)*
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	294.398.269	1.998.358.348
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**126.098.989.903**	**74.618.134.487**
1. Đầu tư vào công ty con	251	11	130.000.000.000	74.821.936.816
2. Đầu tư dài hạn khác	258	12	3.619.922.558	3.619.922.558
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(7.520.932.655)	(3.823.724.887)
III. Tài sản dài hạn khác	**260**		**148.382.045**	**1.620.135.558**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		28.282.045	1.500.035.558
2. Tài sản dài hạn khác	268		120.100.000	120.100.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**544.124.659.173**	**487.148.799.191**

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	**300**		**316.916.870.935**	**260.739.922.869**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**268.433.859.455**	**223.733.049.123**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	209.437.719.714	190.720.706.151
2. Phải trả người bán	312		27.637.263.431	17.728.928.996
3. Người mua trả tiền trước	313		12.543.017.801	7.893.668.101
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	5.252.816.589	1.585.577.143
5. Phải trả người lao động	315		8.983.229	2.332.387.334
6. Chi phí phải trả	316		92.071.548	839.083.050
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	12.199.084.151	2.064.995.356
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.262.902.992	567.702.992
II. Nợ dài hạn	**330**		**48.483.011.480**	**37.006.873.746**
1. Vay và nợ dài hạn	334	16	48.429.815.608	36.968.193.098
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		53.195.872	38.680.648
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	**400**		**227.207.788.238**	**226.408.876.322**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**17**	**227.207.788.238**	**226.408.876.322**
1. Vốn điều lệ	411		118.104.710.000	107.431.920.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		79.313.588.169	79.266.897.909
3. Cổ phiếu quỹ	414		(1.784.261.804)	(2.089.741.544)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(324.484.401)	-
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		17.340.056.655	17.340.056.655
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.104.135.042	5.104.135.042
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7.454.044.577	19.355.608.260
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**544.124.659.173**	**487.148.799.191**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2010

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Hằng	Lê Thúy Đào	Hà Huy Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU SỐ B 02a-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**18**	**630.595.225.190**	**410.451.558.380**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	(66.393.128)	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**		**630.528.832.062**	**410.451.558.380**
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	590.505.357.912	401.301.732.411
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**40.023.474.150**	**9.149.825.969**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	11.431.626.294	16.769.592.646
7. Chi phí tài chính	22	21	19.647.055.526	7.693.509.618
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*12.360.912.911*	*3.690.037.817*
8. Chi phí bán hàng	24		12.617.314.086	10.585.627.031
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.042.058.382	3.922.279.306
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	**30**		**15.148.672.450**	**3.718.002.660**
11. Thu nhập khác	31		441.756.200	516.530.058
12. Chi phí khác	32		66.150.196	77.457.942
13. Lợi nhuận (lỗ) khác (40=31-32)	**40**		**375.606.004**	**439.072.116**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**15.524.278.454**	**4.157.074.776**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	3.078.612.137	372.949.509
16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	**60**		**12.445.666.317**	**3.784.125.267**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2010

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Hằng	Lê Thúy Đào	Hà Huy Thắng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010
(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU B 03a-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Lợi nhuận trước thuế	*01*	*15.524.278.454*
2. Điều chỉnh cho các khoản:		
Khấu hao tài sản cố định	02	937.557.204
Các khoản dự phòng	03	2.467.429.519
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(3.765.103.067)
Chi phí lãi vay	06	12.360.912.911
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	*08*	*27.525.075.021*
(Tăng) các khoản phải thu	09	(82.209.066.575)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(4.830.964.234)
Tăng các khoản phải trả	11	29.088.526.696
Giảm chi phí trả trước và khác	12	1.656.558.970
Tiền lãi vay đã trả	13	(15.212.850.126)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(434.744.998)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	10.171.991.598
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(639.472.792)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	*20*	*(34.884.946.440)*
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(12.578.200.172)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(26.498.611.423)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	34.505.177.418
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	(20.032.078.245)
5. Tiền lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia	27	4.474.879.672
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(20.128.832.750)**
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	520.873.592.376
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(492.147.864.492)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**28.725.727.884**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**	**(26.288.051.306)**
Tiền tồn đầu kỳ	**60**	**29.271.767.892**
Tiền tồn cuối kỳ	**70**	**2.983.716.586**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2010

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Hằng	Lê Thúy Đào	Hà Huy Thắng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002720 lần đầu vào ngày 01 tháng 10 năm 2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam với tỷ lệ sở hữu 51,7% vốn điều lệ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, Công ty có 03 công ty con như sau:

- Công ty TNHH một thành viên xuất nhập khẩu Petrolimex Bình Dương (hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 2 số 3700891170 ngày 24 tháng 11 năm 2009), địa chỉ: Ấp 1A, xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Công ty TNHH một thành viên xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội (hoạt động theo Giấy chứng nhận nhận đăng ký kinh doanh số 0104002024 ngày 09 tháng 10 năm 2007), địa chỉ: Số 1, Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội; và
- Công ty TNHH một thành viên Sơn Petrolimex (hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309391013 ngày 25 tháng 9 năm 2009), địa chỉ: Phòng 908 tầng 9, Cao ốc Cente Point, số 106 Nguyễn Văn Trỗi, phường 8, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 54-56 Bùi Hữu Nghĩa - Quận 5 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2010 là 57 người (31/12/2009 là 59 người).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng nông lâm thủy hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng, máy móc thiết bị ngành công, nông nghiệp, phương tiện vận tải, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, tiêu dùng;
- Mua bán, sản xuất, gia công, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản hàng hóa, kim loại màu;
- Kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu xăng dầu, các sản phẩm hóa dầu; Kinh doanh vận tải xăng dầu; Đại lý kinh doanh xăng dầu; Mua bán sản phẩm hóa dầu (trừ gas);
- Đại lý, sản xuất, gia công, chế biến hàng hóa xuất nhập khẩu (trừ chế biến thực phẩm tươi sống, tái chế nhựa, kim loại phế thải, xi mạ điện, gia công cơ khí);
- Kinh doanh, đầu tư cơ sở hạ tầng, kinh doanh nhà;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn tại các ngân hàng.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hoá tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 - "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng, giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định của Quyết định số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính về ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Tỷ lệ khấu hao cụ thể như sau:

Tài sản cố định hữu hình	Thời gian khấu hao (số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất và phần mềm quản lý. Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao trên cơ sở thời gian thực tế được cấp, quyền sử dụng đất lâu dài không phải trích khấu hao. Các phần mềm quản lý được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính là từ 3 - 5 năm.

Chi phí đầu tư xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Ngoại tệ

Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Chênh lệch tỷ giá được xử lý như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Được sự chấp thuận của Bộ Tài chính tại Công văn số 1916/BTC-CĐKT ngày 20 tháng 02 năm 2009, Tổng Công ty Xăng Dầu Petrolimex đã ban hành Quyết định số 256/XD-HDQT ngày 04 tháng 5 năm 2009 về việc ban hành "Chế độ hạch toán tỷ giá hối đoái". Công ty đã áp dụng hướng dẫn trên của Tổng Công ty. Theo đó, số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) tại ngày này thay vì tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu, phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại chưa được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh được phân bổ vào chi phí trong vòng 5 năm tiếp theo.

Việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 sẽ tăng lên 324.484.401 đồng và khoản mục "chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 sẽ giảm một khoản tương ứng so với việc áp dụng theo VAS 10. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia, lãi kinh doanh chứng khoán, lãi trả chậm, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận cổ tức hoặc có quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty là 25%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại do các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập là không trọng yếu tại ngày 30 tháng 6 năm 2010.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	30/6/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền mặt	90.595.450	22.527.938
Tiền gửi ngân hàng	2.893.121.136	29.249.239.954
	2.983.716.586	**29.271.767.892**

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/6/2010 VND	31/12/2009 VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (1)	13.525.458.493	19.479.657.782
Đầu tư ngắn hạn khác (2)	4.783.200.000	8.023.200.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(2.010.443.393)	(2.974.394.782)
	16.298.215.100	**24.528.463.000**

(1) Bao gồm các chứng khoán sau:

Chứng khoán	30/6/2010 Số lượng cổ phần	30/6/2010 Giá trị VND	31/12/2009 Số lượng cổ phần	31/12/2009 Giá trị VND
Công ty CP Âu Lạc	13.000	410.000.000	13.000	410.000.000
Công ty CP Khoáng Sản và Xây dựng Bình Dương	-	-	40.000	2.400.000.000
Công ty CP Khoáng Sản và Kim loại màu Nghệ Tĩnh	175.000	2.100.000.000	175.000	2.100.000.000
Ngân hàng Á Châu ACB	-	-	128.649	6.017.523.920
Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn (SSI)	40.000	1.658.484.000	-	-
Ngân hàng TMCP Công Thương VN	-	-	20.000	755.508.000
Công ty CP Thủy Điện Vĩnh Sơn-Sông Hinh	50.500	1.164.324.000	150.500	3.299.070.000
Tổng Công ty Phân bón và hóa chất dầu khí (DPM)	73.790	2.774.605.598	113.150	4.497.555.862
Công ty CP Chứng khoán Kim Long (KLS)	35.000	917.874.750	-	-
Công ty CP Hóa dầu Petrolimex (PLC)	4.000	258.887.750	-	-
Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc (KBC)	5.000	295.442.500	-	-
Công ty CP Hoàng Anh Gia Lai (HAG)	5.000	413.118.750	-	-
Tổng Công ty CP Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	45.130	2.469.128.145	-	-
Công ty CP Hưng Phát (VPH)	10.000	466.699.000	-	-
Công ty CP Tập đoàn Dầu khí An Pha (APS)	30.000	596.894.000	-	-
		13.525.458.493		**19.479.657.782**

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

(2) Là số tiền trả theo tiến độ hợp đồng khi mua bất động sản. Cụ thể:

Bất động sản	30/6/2010 VND	31/12/2009 VND
Nền nhà G12 dự án Công ty Thái Sơn	3.435.000.000	3.435.000.000
Quyền mua nền C51 Dự án Tân An Huy	-	3.240.000.000
Nền nhà A2-47 Dự án Phú Xuân Công ty Vạn Phát Hưng	1.348.200.000	1.348.200.000
	4.783.200.000	**8.023.200.000**

Các khoản đầu tư vào bất động sản này là các khoản đầu tư quyền mua các căn hộ, đất nền tại các dự án và Công ty có dự định bán trong tương lai gần. Do vậy, Ban Giám đốc quyết định trình bày vào khoản mục các khoản đầu tư ngắn hạn để phản ánh đúng bản chất của nghiệp vụ đầu tư thay vì phản ánh vào khoản mục bất động sản đầu tư. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, do không xác định được giá tham khảo một cách đáng tin cậy nên Công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư này.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2010 VND	31/12/2009 VND
Phải thu về lãi trả chậm theo hợp đồng (1)	3.748.676.311	5.552.418.096
Phải thu người lao động về khoản vay của ACB Tân Bình	-	1.748.484.000
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	57.255.641.690	-
Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Petrolimex Bình Dương	1.869.840.000	-
Phải thu khác	1.451.281.605	352.957.214
	64.325.439.606	**7.653.859.310**

(1) Phản ánh các khoản lãi phải thu do khách hàng thanh toán tiền hàng không đúng với tiến độ theo quy định trong hợp đồng, cụ thể:

Tên khách hàng	30/6/2010 VND	31/12/2009 VND
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hiệp Chấn Thành	-	493.735.283
Công ty TNHH Bình An	2.352.783.525	3.662.790.027
Công ty TNHH Điện Tử điện lạnh Bình Minh	1.395.892.786	1.395.892.786
	3.748.676.311	**5.552.418.096**

7. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2010 VND	31/12/2009 VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	5.790.045.225
Công cụ, dụng cụ	-	184.831.969
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	512.084.145
Thành phẩm	-	21.424.038
Hàng hóa	108.585.004.512	97.245.654.901
Hàng gửi đi bán	-	-
Tổng cộng	**108.585.004.512**	**103.754.040.278**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(265.826.860)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	**108.585.004.512**	**103.488.213.418**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, tuyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2010	33.143.120.720	67.072.090.647	3.660.655.484	1.758.911.733	105.634.778.584
Mua trong kỳ	-	-	-	17.510.400	17.510.400
Góp vốn vào công ty con (1)	(22.269.558.772)	(64.870.380.022)	(994.326.054)	(523.682.951)	(88.657.947.799)
Tại ngày 30/6/2010	10.873.561.948	2.201.710.625	2.666.329.430	1.252.739.182	16.994.341.185
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ					
Tại ngày 01/01/2010	2.841.194.523	675.312.641	1.591.127.370	712.432.095	5.820.066.629
Trích khấu hao trong kỳ	500.951.565	176.560.929	158.531.233	91.491.498	927.535.225
Giảm khác	-	-	(59.824.114)	(74.416.256)	(134.240.370)
Tại ngày 30/6/2010	3.342.146.088	851.873.570	1.689.834.489	729.507.337	6.613.361.484
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2010	7.531.415.860	1.349.837.055	976.494.941	523.231.845	10.380.979.701
Tại ngày 01/01/2010	30.301.926.197	66.396.778.006	2.069.528.114	1.046.479.638	99.814.711.955

(1) Phản ánh giá trị tài sản cố định hữu hình hoàn thành, bàn giao cho Công ty TNHH MVT Sơn Petrolimex (Công ty con của Công ty). Toàn bộ giá trị Nhà máy sơn được dùng để thế chấp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp số 0009/NHNT ngày 4 tháng 3 năm 2009 cho Hợp đồng vay dài hạn số 0011/ĐTDA/09/CD ngày 04 tháng 3 năm 2009.

Nguyên giá của tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là: 1.516.784.293 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là: 1.403.276.452 đồng).

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2010	5.102.086.340	111.017.500	5.213.103.840
Mua trong năm	1.413.400.000	18.975.000	1.432.375.000
Góp vốn vào công ty con (1)	(5.310.294.200)	-	(5.310.294.200)
Tại ngày 30/6/2010	1.205.192.140	129.992.500	1.335.184.640
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2010	-	78.378.993	78.378.993
Trích khấu hao trong kỳ	-	10.021.979	10.021.979
Tại ngày 30/6/2010	-	88.400.972	88.400.972
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2010	1.205.192.140	41.591.528	1.246.783.668
Tại ngày 01/01/2010	5.102.086.340	32.638.507	5.134.724.847

(1) Phản ánh quyền sử dụng đất để xây dựng nhà máy sản xuất Sơn Petrolimex tại lô đất số 231, 232 của khu Công nghiệp Vietship II, diện tích đất khoảng 12.400 m2. Hiện tại quyền sử dụng đất này đang được thế chấp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp số 0010/NHNT ngày 4 tháng 3 năm 2009 để bảo đảm cho các khoản nợ vay.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	30/6/2010 VND	31/12/2009 VND
Công trình Nhà máy sơn Petrolimex	-	1.806.644.746
Phần mềm vi tính	102.684.667	-
Dự án Nhà máy Hóa nhựa Petrolimex	191.713.602	191.713.602
	294.398.269	**1.998.358.348**

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 như sau:

Tên Công ty con	Giá trị đầu tư tại 30/6/2010 VND	Giá trị đầu tư tại 31/12/2009 VND
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Bình Dương	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex	100.000.000.000	44.821.936.816
	130.000.000.000	**74.821.936.816**
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con	(7.520.932.655)	(3.823.724.887)
Giá trị thuần khoản đầu tư vào công ty con	**122.479.067.345**	**70.998.211.929**

Các công ty con trên được trình bày trong báo cáo tài chính riêng theo phương pháp giá gốc trừ dự phòng giảm giá các khoản đầu tư. Chi tiết thông tin về các công ty con này của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 như sau:

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Bình Dương	Bình Dương	100%	Kinh doanh XNK hàng nông lâm thủy hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ; Hàng tiêu dùng (hàng công nghệ thực phẩm, thực phẩm công nghệ), máy móc thiết bị ngành công, nông nghiệp, phương tiện vận tải, vật tư, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, tiêu dùng; Mua bán, sản xuất gia công, chế biến, XNK khoáng sản hàng hóa, kim loại màu (không sản xuất, gia công, chế biến tại, trụ sở)...
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội	Hà Nội	100%	Mua bán, xuất nhập khẩu hàng nông lâm thủy hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng, máy móc thiết bị ngành công, nông nghiệp, phương tiện vận tải, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, tiêu dùng. Mua bán, sản xuất, gia công, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản hàng hóa, kim loại màu; Đại lý, sản xuất, gia công, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản hàng hóa, kim loại màu...
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Hồ Chí Minh	100%	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự, matit (không sản xuất tại trụ sở); Bán buôn sơn, vecni, bán lẻ sơn, màu, vecni trong các cửa hàng chuyên doanh; Kinh doanh các mặt hàng khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	30/6/2010 VND	31/12/2009 VND
Công ty CP Sơn Đồng Nai	3.619.922.558	3.619.922.558
	3.619.922.558	**3.619.922.558**

Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai với trị giá 3.619.922.558 đồng (tương đương với 146.836 cổ phần), chiếm tỷ lệ 10,88% vốn điều lệ. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng các khoản đầu tư này và không thấy có dấu hiệu giảm giá, do vậy Công ty không trích lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư dài hạn này.

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2010 VND	31/12/2009 VND
Vay và nợ ngắn hạn	209.437.719.714	190.720.706.151
	209.437.719.714	**190.720.706.151**

Công ty thực hiện vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động. Các khoản vay được thực hiện dưới hình thức tín chấp, thời hạn và lãi suất vay được quy định theo từng lần nhận nợ, chi tiết như sau:

	30/6/2010 VND	31/12/2009 VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	28.452.880.658	21.071.210.920
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	52.166.569.615	71.080.535.172
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	33.068.027.108	14.749.092.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu	45.571.281.369	83.819.868.059
Ngân hàng TMCP Á Châu	50.178.960.964	-
	209.437.719.714	**190.720.706.151**

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2010 VND	31/12/2009 VND
Thuế giá trị gia tăng	88.839.181	-
Thuế xuất nhập khẩu	354.244.986	818.585.398
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.162.484.202	580.777.699
Thuế thu nhập cá nhân	-	115.094.058
Các loại thuế khác	1.647.248.220	71.119.988
	5.252.816.589	**1.585.577.143**

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	30/6/2010 VND	31/12/2009 VND
Bảo hiểm xã hội BHYT	70.901.622	45.852.121
Kinh phí công đoàn	138.184.955	116.099.766
Phải trả các khoản vay hộ cán bộ công nhân viên	-	1.579.940.792
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	10.627.790.000	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.362.207.574	323.102.677
	12.199.084.151	**2.064.995.356**

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Vay dài hạn với số tiền 48.429.815.608 đồng tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 phản ánh số tiền vay theo Hợp đồng vay vốn dài hạn số 0011/ĐTDA/09/CD ngày 04 tháng 3 năm 2009, ký với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh. Hợp đồng có hạn mức tín dụng 50 tỷ đồng, mục đích vay để đầu tư dự án. Thời hạn cho vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời gian ân hạn nợ gốc là 21 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản thế chấp bao gồm:

- Tài sản hình thành trong tương lai của nhà Nhà máy sơn Petrolimex có giá trị định giá tạm thời là 61.053.829.200 đồng theo Hợp đồng thế chấp số 0009/NHNT ngày 4 tháng 3 năm 2009;
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Nhà máy sơn Petrolimex tại lô đất số 231, 232 của khu Công nghiệp Vietship II, diện tích đất khoảng 12.400 m^2 có giá trị định giá là 26.856.876.218 đồng theo Hợp đồng thế chấp số 0010/NHNT ngày 04 tháng 3 năm 2009.

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND		VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2009	**107.431.920.000**	**79.266.897.909**	**-**	**(2.089.741.544)**	**7.966.476.132**	**3.346.611.778**	**34.781.743.778**	**230.703.908.053**
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	11.210.365.268	11.210.365.268
Phân phối quỹ	-	-	-	-	9.373.580.523	2.000.000.000	(12.373.580.523)	(1.000.000.000)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	1.720.467.737	1.720.467.737
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	(242.476.736)	-	(242.476.736)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(15.983.388.000)	(15.983.388.000)
Tại ngày 31/12/2009	**107.431.920.000**	**79.266.897.909**	**-**	**(2.089.741.544)**	**17.340.056.655**	**5.104.135.042**	**19.355.608.260**	**226.408.876.322**
Tăng vốn	10.672.790.000	-	-	-	-	-	-	10.672.790.000
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	12.445.666.317	12.445.666.317
Phân phối quỹ	-	-	-	-	-	2.000.000.000	(3.000.000.000)	(1.000.000.000)
Tăng khác	-	46.690.260	-	-	-	-	-	46.690.260
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Trả cổ tức năm 2009	-	-	-	-	-	-	(21.345.580.000)	(21.345.580.000)
Giảm khác	-	-	(324.484.401)	305.479.740	-	-	(1.650.000)	(20.654.661)
Tại ngày 30/6/2010	**118.104.710.000**	**79.313.588.169**	**(324.484.401)**	**(1.784.261.804)**	**17.340.056.655**	**7.104.135.042**	**7.454.044.577**	**227.207.788.238**

Chi tiết vốn điều lệ như sau:

	Vốn điều lệ			Vốn thực góp đến ngày 30/6/2010		
	Số cổ phần	Tỷ lệ	Thành tiền VND	Số cổ phần	Tỷ lệ	Thành tiền VND
Tổng Công ty Xăng Dầu Việt Nam	6.109.290	51,73%	61.092.900.000	6.109.290	51,73%	61.092.900.000
Các cổ đông khác	5.701.181	48,27%	57.011.810.000	5.701.181	48,27%	57.011.810.000
	11.810.471		**118.104.710.000**	**11.810.471**		**118.104.710.000**

Cổ tức:

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 số 07/2010/NQ-ĐHCD ngày 28/4/2010, Công ty sẽ chi trả cổ tức bằng tiền mặt từ lợi nhuận sau thuế năm 2009 cho các cổ đông là 10%/cổ phần với số tiền 10.672.790.000 đồng, chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 100:10 với số tiền 10.672.790.000 đồng và trích lập Quỹ dự phòng tài chính với số tiền 2.000.000.000 đồng, Quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền 1.000.000.0000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Cổ phiếu:

	Đơn vị	30/6/2010	31/12/2009
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	Cổ phần	11.810.471	10.743.192
Cổ phiếu phổ thông		*11.810.471*	*10.743.192*
Số lượng cổ phiếu được mua lại	Cổ phần	70.400	87.600
Cổ phiếu phổ thông		*70.400*	*87.600*
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	Cổ phần	11.740.071	10.655.592
Cổ phiếu phổ thông		*11.740.071*	*10.655.592*
Mệnh giá mỗi cổ phần	VND	10.000	10.000

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	630.595.225.190	410.451.558.380
	630.595.225.190	**410.451.558.380**
Các khoản giảm trừ doanh thu	(66.393.128)	-
Hàng bán trả lại	*(66.393.128)*	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**630.528.832.062**	**410.451.558.380**

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa bán và dịch vụ cung cấp	590.771.184.772	404.587.310.798
(Hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	(265.826.860)	(3.285.578.387)
	590.505.357.912	**401.301.732.411**

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.270.879.672	124.062.570
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	1.115.045.410	11.617.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.866.530.389	176.311.200
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.700.846.404	10.286.212.734
Lãi bán hàng trả chậm	3.274.036.128	5.769.839.142
Thu về hoạt động đầu tư BĐS	204.000.000	401.550.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	288.291	-
	11.431.626.294	**16.769.592.646**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 VND	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009 VND
Chi phí lãi vay	12.360.912.911	3.690.037.817
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	21.306.033	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	2.761.528.397	1.663.601.866
Dự phòng các khoản đầu tư	3.697.207.768	(2.875.372.522)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	810.048.417	4.435.441.547
Chi về hoạt động đầu tư BĐS	(3.948.000)	779.800.910
	19.647.055.526	**7.693.509.618**

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**15.524.278.454**
Trong đó:	
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	15.320.278.454
Lợi nhuận từ kinh doanh bất động sản	204.000.000
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	**4.145.688.194**
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.866.530.389
Lãi chênh lệch tỷ giá 31/12/2009 đã được loại ra khi tính thuế TNDN	1.279.157.805
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	**935.858.287**
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của khoản phải trả	775.195.287
Thù lao thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp tham gia vào hoạt động Công ty	160.663.000
Thu nhập chịu thuế	**12.314.448.547**
Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh	12.110.448.547
Thu nhập từ kinh doanh bất động sản	204.000.000
Thuế suất hiện hành	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**3.078.612.137**

23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh của bảng cân đối kế toán là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là số liệu cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009 chưa được kiểm toán hoặc soát xét bởi kiểm toán độc lập. Không có số liệu so sánh của báo cáo lưu chuyển tiền tệ do báo cáo giữa niên độ năm trước Công ty được lập theo phương pháp trực tiếp.